

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 5 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị H và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H – Sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 331, tổ 6, ấp Phú V3, thị trấn Chợ V4, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú H, thị trấn Chợ V4, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-8-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối (trước đây chị khai sau khi tìm hiểu

về tình cảm là không chính xác, do chị không hiểu rõ giữa mai mối và tìm hiểu tình cảm là khác nhau), tháng 5/2016 chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ V, huyện Phú T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 01-7-2016. Vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 6/2017 phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng khó khăn, chuyện gì của vợ chồng anh L đều nói cho mẹ chồng biết, mẹ chồng bắt lỗi chị, bản thân anh L không lo làm, chỉ ăn chơi, không quan tâm vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị nhận thấy không thể chung sống với anh L được nữa, nên từ tháng 7/2017 đến nay vợ chồng ly thân và không gặp nhau hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không đến tham gia tố tụng và không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 18-5-2017 chị H đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tên Huỳnh Thị T2 và mẹ chồng tên Nguyễn Thị V1 biết, đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị H và anh L, tại biên bản lấy lời khai ngày 23-4-2019 bà Huỳnh Thị T2 cho biết bà là mẹ ruột của chị H, năm 2017 H và L mâu thuẫn do H nói cho bà biết mẹ chồng khó khăn, chuyện gì của vợ chồng L đều nói cho mẹ chồng biết, mẹ chồng và H cự cãi nhau, thấy vậy bà mời cha mẹ L đến nhà để hàn gắn cho vợ chồng H, bà đề nghị với L sẽ cất nhà cho vợ chồng ở gần nhà bà để H tránh mâu thuẫn với mẹ chồng, nhưng L không đồng ý và mẹ L cũng không có thiện chí hàn gắn, mẹ L nói vợ chồng ở riêng làm gì thì làm bà không có ý kiến, nên không hàn gắn được và H ở lại nhà bà, còn L về ở nhà chị ruột, từ năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân. Bà nhận thấy H không còn tình cảm với L và đề nghị Tòa án cho H ly hôn với L.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 27-3-2019 bà Nguyễn Thị V1 là mẹ ruột của anh L cho biết, sau khi cưới vợ chồng L ra ở riêng, khoảng hai năm H về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó H kêu L về sống bên vợ, L không đồng ý, nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng bà có hàn gắn cho vợ chồng L nhưng không thành. Bà thấy tình cảm vợ chồng H không hàn gắn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho H được ly hôn với L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Nguyễn Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh L chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, vợ chồng chị H, anh L mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 đến nay, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành, chị H xin ly hôn là có căn cứ; về con chung, từ lúc ly thân đến nay chị H nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng, yêu cầu nuôi con của chị H phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Lê Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn L (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian ly thân, do anh L không quan tâm kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, không giải quyết được mối quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, thời gian ly thân cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị H và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị H và anh L.

[5] Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 18-5-2017, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi cháu V. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh L được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì L ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 18-5-2017 cho chị Lê Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị H đang nuôi. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì L ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005510 ngày 26-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Chị Lê Thị Kim H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND thị trấn Chợ V4;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương